

Phụ lục 10

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM QUÁ TRÌNH

Học kỳ: 1 – Năm học: 2024 – 2025

Môn học/Nhóm: Bóng chuyền 1 – HP (23400201)
CBGD: Nguyễn Thanh Bình

Số tín chỉ: 02

ST T	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP . 2	BP. 3	Điểm quá trình	Ghi chú
1	2123200641	Lý Hoàng Thu	Anh	30/09/2005	Quản trị xuất nhập khẩu G	10.0	8.0	7.0	8.0	
2	2123110112	Nguyễn Lê Đức	Anh	08/11/2005	Công nghệ thông tin D	0.0	0.0	0.0	0.0	Nghĩ
3	2122270159	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	26/08/2003	Quản trị nhà hàng E	5.0	6.0	7.0	6.3	
4	2123110117	Huỳnh Tấn	Bo	31/03/2004	Công nghệ thông tin D	5.0	8.0	7.0	6.8	
5	2123270015	Nguyễn Lan	Chi	20/01/2005	Quản trị nhà hàng A	10.0	8.0	7.0	8.0	
6	2123240181	Nguyễn Hải	Đăng	04/02/2004	Tiếng Anh F	10.0	8.0	7.0	8.0	
7	2122030019	Lại Thành	Đăng	14/12/2003	Công nghệ kỹ thuật cơ khí A	5.0	8.0	7.0	6.8	
8	2123110029	Bùi Thanh	Đông	02/01/2005	Công nghệ thông tin A	6.0	8.0	7.0	7.0	
9	2123170557	Huỳnh Minh	Dường	27/09/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô P	8.0	8.0	7.0	7.5	
10	2122140066	Hà Trường	Giang	20/07/2004	Công nghệ KT cơ điện tử B	10.0	8.0	7.0	8.0	
11	2123170411	Nguyễn Sỹ	Giáp	06/01/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô L	10.0	7.0	9.0	8.8	
12	2122180126	Trần Trung	Hải	11/04/2004	Công nghệ KT nhiệt D	5.0	9.0	9.0	8.0	
13	2123210178	Lê Thúy	Hậu	20/02/2005	Công nghệ thực phẩm E	7.0	7.0	9.0	8.0	
14	2123200696	Trần Thị Thu	Hiền	10/06/2005	Quản trị xuất nhập khẩu G	10.0	7.0	9.0	8.8	
15	2123200654	Nguyễn Thị	Hoa	13/01/2004	Quản trị xuất nhập khẩu G	5.0	7.0	9.0	7.5	
16	2122110124	Trần Xuân	Hoàng	17/02/2004	Công nghệ thông tin D	8.0	7.0	9.0	8.3	
17	2123210175	Nguyễn Thị Thu	Hồng	18/06/2005	Công nghệ thực phẩm E	9.0	7.0	9.0	8.5	

ST T	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP . 2	BP. 3	Điểm quá trình	Ghi chú
18	2122110349	Trần La Đức	Huy	03/05/2004	Công nghệ thông tin G	0.0	0.0	0.0	0.0	Nghĩ
19	2122270023	Nguyễn Thị Nhật	Kiều	29/09/2004	Quản trị nhà hàng A	0.0	0.0	0.0	0.0	Nghĩ
20	2122120256	Ngô Thị Diệu	Lam	24/11/2004	Quản trị KD tổng hợp H	10.0	7.0	9.0	8.8	
21	2123170403	Hồ Nhật Duy	Lâm	21/09/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô L	8.0	9.0	9.0	8.8	
22	2123210012	Nguyễn Thị Kiều	Linh	18/12/2005	Công nghệ thực phẩm A	8.0	9.0	9.0	8.8	
23	2122180085	Lê Xuân	Lực	04/07/2004	Công nghệ KT nhiệt C	8.0	9.0	9.0	8.8	
24	2123120535	Lê Thị Trúc	Mai	03/12/2005	Quản trị KD tổng hợp I	10.0	9.0	9.0	9.3	
25	2123210152	Ngô Thị Hồng	Mỹ	26/11/2004	Công nghệ thực phẩm E	10.0	9.0	9.0	9.3	
26	2123050169	Đặng Hoài	Nam	22/08/2005	Điện công nghiệp D	5.0	9.0	9.0	8.0	
27	2123200406	Nguyễn Thị Hồng	Ngân	26/10/2005	Quản trị xuất nhập khẩu E	10.0	9.0	9.0	9.3	
28	2123210144	Lê Hoàng	Nhã	01/03/2005	Công nghệ thực phẩm D	8.0	9.0	9.0	8.8	
29	2123170541	Phạm Văn	Nhân	12/11/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô P	0.0	0.0	0.0	0.0	Nghĩ
30	2123170355	Quách Văn	Nhân	23/09/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô K	8.0	9.0	9.0	8.8	
31	2122030157	Nguyễn Quang	Nhật	07/10/2004	Công nghệ kỹ thuật cơ khí E	6.0	6.0	7.0	6.5	
32	2123200482	Nguyễn Thị Yến	Nhi	08/01/2005	Quản trị xuất nhập khẩu F	10.0	6.0	7.0	7.5	
33	2122270133	Nguyễn Tuyết	Nhi	29/10/2004	Quản trị nhà hàng B	5.0	6.0	7.0	6.3	
34	2123300046	Nguyễn Huỳnh	Như	12/11/2005	Logistics B	10.0	6.0	7.0	7.5	
35	2123170353	Nguyễn Văn	Nhựt	23/06/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô K	10.0	6.0	7.0	7.5	
36	2123210130	Nguyễn An	Ninh	20/11/2005	Công nghệ thực phẩm D	10.0	6.0	7.0	7.5	
37	2123210129	Mai Thị	Nương	02/04/2005	Công nghệ thực phẩm D	10.0	6.0	7.0	7.5	
38	2122110302	Trần Tiến	Phát	30/03/2003	Công nghệ thông tin H	5.0	6.0	7.0	6.3	
39	2123300067	Huỳnh Trần	Quyền	25/05/2005	Logistics B	10.0	6.0	7.0	7.5	
40	2123170394	Nguyễn Thanh	Sang	21/02/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô L	5.0	6.0	7.0	6.3	
41	2123200668	Châu Ngọc Song	Song	30/03/2005	Quản trị xuất nhập khẩu G	10.0	9.0	8.0	8.8	
42	2123170570	Võ Phú	Tài	21/06/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô P	5.0	9.0	8.0	7.5	
43	2122260141	Nguyễn Hoài Mộng	Thắm	22/05/2003	Quản trị nhà hàng E	5.0	9.0	8.0	7.5	

ST T	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP . 2	BP. 3	Điểm quá trình	Ghi chú
44	2123170531	Nguyễn Ngọc	Thắng	18/11/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô O	8.0	9.0	8.0	8.3	
45	2123170397	Phạm Văn	Thành	01/08/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô L	10.0	9.0	8.0	8.8	
46	2123240183	Đỗ Nguyễn Phương	Thảo	09/10/2005	Tiếng Anh F	5.0	5.0	5.0	5.0	
47	2123170514	Phan Hữu	Thì	27/01/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô O	10.0	9.0	8.0	8.8	
48	2123210146	Trần Thị Hoàng	Thơ	06/03/2005	Công nghệ thực phẩm D	10.0	9.0	8.0	8.8	
49	2123210186	Bùi Thị Phương	Thư	28/06/2005	Công nghệ thực phẩm D	10.0	9.0	8.0	8.8	
50	2122190033	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	12/09/2004	Tài chính - Ngân hàng A	6.0	9.0	8.0	7.8	
51	2123210113	Trần Đặng Mỹ	Thư	06/04/2005	Công nghệ thực phẩm D	10.0	7.0	8.0	8.3	
52	2122120481	Võ Thị Kim	Thuận	19/11/2003	Quản trị KD tổng hợp C	5.0	7.0	8.0	7.0	
53	2123120294	Lê Mậu	Thương	03/09/2005	Quản trị KD tổng hợp F	8.0	7.0	8.0	7.8	
54	2122120128	Lê Thị	Thúy	12/11/2003	Quản trị KD tổng hợp D	5.0	7.0	8.0	7.0	
55	2123120530	Lê Thị Cẩm	Tiên	30/10/2005	Quản trị KD tổng hợp I	5.0	7.0	8.0	7.0	
56	2123170560	Nguyễn Nhật	Tiến	19/06/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô P	5.0	5.0	5.0	5.0	
57	2123170392	Trần Quốc	Tiến	30/05/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô L	10.0	7.0	8.0	8.3	
58	2123170562	Phạm Chí	Tình	15/09/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô P	10.0	7.0	8.0	8.3	
59	2123170511	Ngô Phúc	Toàn	02/02/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô O	10.0	7.0	8.0	8.3	
60	2123210120	Lê Ngọc	Trâm	20/05/2005	Công nghệ thực phẩm D	10.0	7.0	8.0	8.3	
61	2122120109	Cao Ngọc Phương	Trình	23/08/2004	Quản trị KD tổng hợp D	8.0	8.0	6.0	7.0	
62	2123030218	Hồ Đức	Trọng	02/10/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí F	10.0	8.0	6.0	7.5	
63	2123210123	Nguyễn Thị Hồng	Trúc	15/07/2005	Công nghệ thực phẩm D	10.0	8.0	6.0	7.5	
64	2123170416	Nguyễn Minh	Trực	16/06/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô L	8.0	8.0	6.0	7.0	
65	2122030173	Trương Anh	Tú	20/08/2004	Công nghệ kỹ thuật cơ khí H	8.0	8.0	6.0	7.0	
66	2123030215	Nguyễn Thanh	Tuấn	12/04/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí E	10.0	8.0	6.0	7.5	
67	2123030151	Trần Anh	Tuấn	14/02/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí E	8.0	8.0	6.0	7.0	
68	2123200620	Trần Hồ Anh	Tuấn	15/01/2005	Quản trị xuất nhập khẩu G	5.0	8.0	6.0	6.3	
69	2123210138	Phan Thị Như	Uyển	28/04/2005	Công nghệ thực phẩm D	10.0	8.0	6.0	7.5	

ST T	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP . 2	BP. 3	Điểm quá trình	Ghi chú
70	2123030162	Trần Khắc	Vin	05/06/2005	Công nghệ kỹ thuật cơ khí E	10.0	8.0	6.0	7.5	
71	2123170414	Lê Xuân	Vinh	04/09/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô L	8.0	7.0	9.0	8.3	
72	2121150053	Trần Trung	Vĩnh	23/05/2003	CNKT ĐK và tự động hóa B	0.0	0.0	0.0	0.0	Nghĩ
73	2123170505	Võ Thiện	Vương	06/11/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô O	10.0	7.0	9.0	8.8	
74	2123210122	Nguyễn Thị	Xuân	21/11/2005	Công nghệ thực phẩm D	10.0	9.0	8.0	8.8	
75	2123210114	Huỳnh Ngọc Như	Ý	05/05/2005	Công nghệ thực phẩm D	10.0	8.0	6.0	7.5	
76	2123210134	Nguyễn Thị Mỹ	Yến	19/01/2005	Công nghệ thực phẩm D	10.0	7.0	8.0	8.3	

TPHCM , ngày 07 tháng 11 năm 2024

Giảng viên



Nguyễn Thanh Bình

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC/HỌC PHẦN
Học kỳ: 1 – Năm học: 2024 – 2025

Môn học/Nhóm: Bóng chuyền 1 – HP (23400201) Số tín chỉ: 02
CBGD: Nguyễn Thanh Bình

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
1	2123200641	Lý Hoàng Thu	Anh	30/09/2005	CCQ2320G	8.0	5.0	6,20	
2	2123110112	Nguyễn Lê Đức	Anh	08/11/2005	CCQ2311D	0.0	0.0	0,00	Nghĩ
3	2122270159	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	26/08/2003	CCQ2227E	6.3	6.0	6,10	
4	2123110117	Huỳnh Tấn	Bo	31/03/2004	CCQ2311D	6.8	8.0	7,50	
5	2123270015	Nguyễn Lan	Chi	20/01/2005	CCQ2327A	8.0	10.0	9,20	
6	2123240181	Nguyễn Hải	Đăng	04/02/2004	CCQ2324F	8.0	6.0	6,80	
7	2122030019	Lại Thành	Đăng	14/12/2003	CCQ2203A	6.8	5.0	5,70	
8	2123110029	Bùi Thanh	Đông	02/01/2005	CCQ2311A	7.0	5.0	5,80	
9	2123170557	Huỳnh Minh	Dưỡng	27/09/2005	CCQ2317P	7.5	7.0	7,20	
10	2122140066	Hà Trường	Giang	20/07/2004	CCQ2214B	8.0	7.0	7,40	
11	2123170411	Nguyễn Sỹ	Giáp	06/01/2005	CCQ2317L	8.8	10.0	9,50	
12	2122180126	Trần Trung	Hải	11/04/2004	CCQ2218D	8.0	6.0	6,80	
13	2123210178	Lê Thúy	Hậu	20/02/2005	CCQ2321E	8.0	9.0	8,60	
14	2123200696	Trần Thị Thu	Hiền	10/06/2005	CCQ2320G	8.8	5.0	6,50	
15	2123200654	Nguyễn Thị	Hoa	13/01/2004	CCQ2320G	7.5	5.0	6,00	
16	2122110124	Trần Xuân	Hoàng	17/02/2004	CCQ2211D	8.3	10.0	9,30	
17	2123210175	Nguyễn Thị Thu	Hồng	18/06/2005	CCQ2321E	8.5	6.0	7,00	
18	2122110349	Trần La Đức	Huy	03/05/2004	CCQ2211G	0.0	0.0	0,00	Nghĩ

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
19	2122270023	Nguyễn Thị Nhật	Kiều	29/09/2004	CCQ2227A	0.0	0.0	0,00	Nghĩ
20	2122120256	Ngô Thị Diệu	Lam	24/11/2004	CCQ2212H	8.8	5.0	6,50	
21	2123170403	Hồ Nhật Duy	Lâm	21/09/2005	CCQ2317L	8.8	8.0	8,30	
22	2123210012	Nguyễn Thị Kiều	Linh	18/12/2005	CCQ2321A	8.8	5.0	6,50	
23	2122180085	Lê Xuân	Lục	04/07/2004	CCQ2218C	8.8	5.0	6,50	
24	2123120535	Lê Thị Trúc	Mai	03/12/2005	CCQ2312I	9.3	7.0	7,90	
25	2123210152	Ngô Thị Hồng	Mỹ	26/11/2004	CCQ2321E	9.3	5.0	6,70	
26	2123050169	Đặng Hoài	Nam	22/08/2005	CCQ2305D	8.0	7.0	7,40	
27	2123200406	Nguyễn Thị Hồng	Ngân	26/10/2005	CCQ2320E	9.3	6.0	7,30	
28	2123210144	Lê Hoàng	Nhã	01/03/2005	CCQ2321D	8.8	7.0	7,70	
29	2123170541	Phạm Văn	Nhân	12/11/2005	CCQ2317P	0.0	0.0	0,00	Nghĩ
30	2123170355	Quách Văn	Nhân	23/09/2005	CCQ2317K	8.8	7.0	7,70	
31	2122030157	Nguyễn Quang	Nhật	07/10/2004	CCQ2203E	6.5	6.0	6,20	
32	2123200482	Nguyễn Thị Yên	Nhi	08/01/2005	CCQ2320F	7.5	6.0	6,60	
33	2122270133	Nguyễn Tuyết	Nhi	29/10/2004	CCQ2227B	6.3	5.0	5,50	
34	2123300046	Nguyễn Huỳnh	Như	12/11/2005	CCQ2330B	7.5	8.0	7,80	
35	2123170353	Nguyễn Văn	Nhựt	23/06/2005	CCQ2317K	7.5	5.0	6,00	
36	2123210130	Nguyễn An	Ninh	20/11/2005	CCQ2321D	7.5	7.0	7,20	
37	2123210129	Mai Thị	Nương	02/04/2005	CCQ2321D	7.5	5.0	6,00	
38	2122110302	Trần Tiến	Phát	30/03/2003	CCQ2211H	6.3	5.0	5,50	
39	2123300067	Huỳnh Trần	Quyền	25/05/2005	CCQ2330B	7.5	6.0	6,60	
40	2123170394	Nguyễn Thanh	Sang	21/02/2005	CCQ2317L	6.3	8.0	7,30	
41	2123200668	Châu Ngọc Song	Song	30/03/2005	CCQ2320G	8.8	5.0	6,50	
42	2123170570	Vô Phú	Tài	21/06/2005	CCQ2317P	7.5	5.0	6,00	
43	2122260141	Nguyễn Hoài Mộng	Thắm	22/05/2003	CCQ2227E	7.5	5.0	6,00	
44	2123170531	Nguyễn Ngọc	Thắng	18/11/2005	CCQ2317O	8.3	7.0	7,50	
45	2123170397	Phạm Văn	Thành	01/08/2005	CCQ2317L	8.8	8.0	8,30	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
46	2123240183	Đỗ Nguyễn Phương	Thảo	09/10/2005	CCQ2324F	5.0	5.0	5,00	
47	2123170514	Phan Hữu	Thi	27/01/2005	CCQ2317O	8.8	7.0	7,70	
48	2123210146	Trần Thị Hoàng	Thơ	06/03/2005	CCQ2321D	8.8	8.0	8,30	
49	2123210186	Bùi Thị Phương	Thư	28/06/2005	CCQ2321D	8.8	7.0	7,70	
50	2122190033	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	12/09/2004	CCQ2219A	7.8	8.0	7,90	
51	2123210113	Trần Đặng Mỹ	Thư	06/04/2005	CCQ2321D	8.3	5.0	6,30	
52	2122120481	Võ Thị Kim	Thuận	19/11/2003	CCQ2212C	7.0	5.0	5,80	
53	2123120294	Lê Mậu	Thương	03/09/2005	CCQ2312F	7.8	7.0	7,30	
54	2122120128	Lê Thị	Thúy	12/11/2003	CCQ2212D	7.0	7.0	7,00	
55	2123120530	Lê Thị Cẩm	Tiên	30/10/2005	CCQ2312I	7.0	5.0	5,80	
56	2123170560	Nguyễn Nhật	Tiến	19/06/2005	CCQ2317P	5.0	6.0	5,60	
57	2123170392	Trần Quốc	Tiến	30/05/2005	CCQ2317L	8.3	5.0	6,30	
58	2123170562	Phạm Chí	Tình	15/09/2005	CCQ2317P	8.3	9.0	8,70	
59	2123170511	Ngô Phúc	Toàn	02/02/2005	CCQ2317O	8.3	10.0	9,30	
60	2123210120	Lê Ngọc	Trâm	20/05/2005	CCQ2321D	8.3	5.0	6,30	
61	2122120109	Cao Ngọc Phương	Trinh	23/08/2004	CCQ2212D	7.0	5.0	5,80	
62	2123030218	Hồ Đức	Trọng	02/10/2005	CCQ2303F	7.5	8.0	7,80	
63	2123210123	Nguyễn Thị Hồng	Trúc	15/07/2005	CCQ2321D	7.5	7.0	7,20	
64	2123170416	Nguyễn Minh	Trực	16/06/2005	CCQ2317L	7.0	6.0	6,40	
65	2122030173	Trương Anh	Tú	20/08/2004	CCQ2203H	7.0	6.0	6,40	
66	2123030215	Nguyễn Thanh	Tuấn	12/04/2005	CCQ2303E	7.5	6.0	6,60	
67	2123030151	Trần Anh	Tuấn	14/02/2005	CCQ2303E	7.0	8.0	7,60	
68	2123200620	Trần Hồ Anh	Tuấn	15/01/2005	CCQ2320G	6.3	7.0	6,70	
69	2123210138	Phan Thị Như	Uyển	28/04/2005	CCQ2321D	7.5	5.0	6,00	
70	2123030162	Trần Khắc	Vin	05/06/2005	CCQ2303E	7.5	5.0	6,00	
71	2123170414	Lê Xuân	Vinh	04/09/2005	CCQ2317L	8.3	5.0	6,30	
72	2121150053	Trần Trung	Vĩnh	23/05/2003	CCQ2115B	0.0	0.0	0,00	Nghĩ

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
73	2123170505	Võ Thiện	Vương	06/11/2005	CCQ2317O	8.8	8.0	8,30	
74	2123210122	Nguyễn Thị	Xuân	21/11/2005	CCQ2321D	8.8	10.0	9,50	
75	2123210114	Huỳnh Ngọc Như	Ý	05/05/2005	CCQ2321D	7.5	5.0	6,00	
76	2123210134	Nguyễn Thị Mỹ	Yến	19/01/2005	CCQ2321D	8.3	8.0	8,10	

TPHCM , ngày 07 tháng 11 năm 2024

Giảng viên



Nguyễn Thanh Bình